TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2023/HS-ST
Ngày: 17/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Văn Nhất

- Ông Vi Ngọc Trung

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn M - Sinh năm 1971 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Th. Nơi ĐKHKTT và cư trú: Phố M, xã Đ, huyện B, tỉnh Th. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 03/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Bá S (đã chết) và bà Lê Thị S1 sinh năm: 1930. bị cáo có vợ là Nguyễn Thị B - sinh năm: 1975; có 02 con. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 21/12/2022 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1975. Địa chỉ: Phố M, xã Đ, huyện B, tỉnh Th. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa được tóm tắt như sau:

Hồi 19h30ʹphút ngày 21/12/2022 Công an huyện Q tiến hành tuần tra kiểm soát tại chốt kiểm lâm xã P, huyện Q một nam giới điều khiển xe mô tô đi một mình hướng từ xã T xuống xã P, huyện Q công tác ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra hành chính, người nam giới đi xe mô tô BKS 36M4 - 2493 dừng xe và khai tên là Phạm Văn M. Sinh ngày 19/6/1971. Trú tại: phố M, xã Đ, huyện B, tỉnh Th. Quá trình kiểm tra tổ công tác phát hiện tại vị trí đang đứng của M1 (trên mặt đường nhựa) có: 01 (một) túi nilon màu đen, yêu cầu M nhặt lên để kiểm tra phát hiện bên trong chứa: 02 (hai) túi nilon màu xanh. Bên trong mỗi túi đều chứa các viên nén hình trụ màu xanh và màu hồng, nghi là ma túy tổng hợp.

Phạm Văn M khai nhận: Tất cả các gói nilon có chứa viên nén hình trụ tròn màu hồng và màu xanh là ma túy của M mua với một người đàn ông không biết tên, tuổi với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) tại xã T, huyện Q khi mua xong M cất vào ống quần bên trái đang mặc đem về nhà cất giấu để sử dụng dần cho bản thân. Trên đường đi về thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang thu giữ phương tiện và vật chứng như đã nêu ở trên.

Ngày 21/12/2022 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với toàn bộ vật chứng đã thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số:127/KL-KTHS ngày 26/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Các viên nén màu hồng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 30,458g (ba không phẩy bốn năm tám gam) loại: Methamphetamine. Các viên nén màu xanh niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,367g (không phẩy ba sáu bảy) gam loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra Phạm Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/12/2022 M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36M4-2493 đi từ nhà tại phố M, xã Đ, huyện B, tỉnh Th lên xã T, huyện Q, tỉnh Th để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi M đi đến khu vực đường liên thôn thuộc bản T, xã T, huyện Q thì M gặp một người đàn ông (M không biết tên tuổi, địa chỉ) đang đi bộ ở ven đường, M hỏi: "Có bán ngựa (tức ma túy tổng hợp) không? Người đàn ông trả lời: " Đưa tiền đây". M lấy trong người ra số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) và đưa cho người đàn ông này cầm. Sau đó người này bỏ đi một lúc và quay trở lại đưa cho M 01 (một) túi nilon màu đen, bên trong có hai túi chứa ma túy tổng hợp dạng viên. Sau khi mua bán xong ma túy người đàn ông không biết tên, tuổi bỏ đi còn M cho ma túy vừa mua được gấp (xắn) vào ống quần dài đang mặc rồi một mình điều khiển xe mô tô đi về. Khi đi đến khu vực chốt kiểm lâm thuộc bản Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Th thì lực lượng bị Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ số ma túy trên.

Nguồn gốc số ma túy của Phạm Văn M là do M mua với một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ (khoảng từ 30 đến 35 tuổi, cao khoảng 1m60 đến 1m65 mặc quần vải màu đen và áo khoác màu đen). Ngoài ra không có đặc điểm nào khác và chỉ gặp và mua ma túy với người ngày lần đầu tiên trên đường liên thôn thuộc

bản T xã T, huyện Q khi mua bán xong ma túy M cất giữ để đem về nhà với mục đích sử dụng dần khi lên cơn vật nghiện.

Quá trình điều tra đối với chiếc xe môtô biển kiểm soát nhãn hiệu SUFAT biển kiểm soát 36M4-2493 xe cũ đã qua sử dụng. Giấy đăng ký xe mang tên Trương Thị S2, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Th. Chị S mua xe và đăng ký năm 2007 sau đó thì bán lại cho chị Nguyễn Thị B (là vợ hợp pháp của bị cáo M). Sinh ngày 12/7/1975. Trú tại phố M, xã Đ, huyện B với giá: 3.000.000đ (ba triệu đồng) để làm phương tiện đi lại. Việc M mượn và lấy xe mô tô của chị B đi sử dụng vào việc tàng trữ trái phép chất ma túy chị B không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Văn M. Kết quả tra cứu xe xác định không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Vật chứng của vụ án là: 01 (một) Phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, màu sơn xanh, biển kiểm soát 36M4-2493, số máy VPJL1P50FMG503669, số khung RPJWCG1PJ5 A503669, xe cũ đã qua sử dụng. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSQH- HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Phạm Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn M và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn M phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

Áp dụng: điểm b khoản 3 điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 10 (Mười) năm 03 (ba) tháng đến 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/12/2022.

Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết những vấn đề khác trong vụ án như xử lý vật chứng: Tuyên tịhc thu tiêu huỷ số ma tuý còn lại sau giám định; Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, màu sơn xanh, biển kiểm soát 36M4-2493, số máy VPJL1P50FMG503669, số khung RPJWCG1PJ5 A503669, xe cũ đã qua sử dụng. Án phí: bị cáo phải nộp án phí HSST.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì. Do đó, mọi quyết định tố tụng, hành vi tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến, Biên bản phạm tội quả tang; Kết luận giám định, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi mua trái phép chất ma túy tàng trữ nhằm mục đích sử dụng dần. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy thu giữ được trong quá trình bắt quả tang có khối lượng 30,825 (Ba mươi phẩy tám hai năm) gam M2.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo ý thức được hậu quả của ma túy đối với sức khỏe và đời sống xã hội cũng như sự ngăn cấm của pháp luật vì mục đích dùng sử dụng cho bản thân; bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không có tiền án tiền sự. Từ đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về hình phạt chính :* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại điểm b khoản 3, Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời

sống xã hội một thời gian dài mới đủ sức răn đe, để bị cáo tích cực cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo là người nghiện ma túy, không có công việc, thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về các tình tiết khác trong vụ án:*

Bị cáo M khai có mua ma túy với một người đàn ông tại đường liên thôn thuộc bản T, xã T, huyện Q Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đang điều tra xác minh nhưng không xác định được là ai.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

Toàn bộ bao gói mở niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Phạm Thúc H, Lê Minh T và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T. là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu, tiêu hủy.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, màu sơn xanh, biển kiểm soát 36M4-2493, số máy VPJL1P50FMG503669, số khung RPJWCG1PJ5 A503669, Giấy đăng ký xe mang tên Trương Thị S2, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Th. Chị B mua xe với giá: 3.000.000đ (ba triệu đồng) với chị S. Tại phiên toà chị B trình bày: Tiền mua xe tiền của chị, bị cáo M không đóng góp tiền mua xe; xe chỉ phục vụ cho riêng chị làm phương tiện chị đi bán hàng. Tại phiên toà bị cáo M khẳng định bị cáo là người sử dụng ma tuý không có thu nhập, tiền chi phí sinh hoạt hàng ngày và tiền mua xe đều là tiền của chị B. Xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị B, bị cáo Phạm Văn M dùng xe đi mua ma tuý chị B không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS, tuyên trả 01 xe mô tô cho chị Nguyễn Thị B.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn M phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng lệ phí, án phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, điều 333 BLTTHS;

1. *Tuyên:* Bị cáo **Phạm Văn M** phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy";*

2. *Xử phạt*: Bị cáo **Phạm Văn M 10 (Mười) năm 03 (Ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/12/2022

3. *Về xử lý vật chứng và án phí:* Tuyên tịch thu tiêu hủy 01(một) phong bì niêm phong do Phòng K - Công an tỉnh T phát hành bên trong có chứa toàn bộ bao gói mở niêm phong là mẫu vật còn lại sau giám định;

Tuyên trả cho chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1975, hiện đang trú tại Phố M, xã Đ, huyện B, tỉnh Th. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, màu sơn xanh, biển kiểm soát 36M4-2493, số máy VPJL1P50FMG503669, số khung RPJWCG1PJ5 A503669, xe cũ đã qua sử dụng

Đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

Bị cáo Phạm Văn M phải nộp 200.000đ án phí HSST.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, người có QLNV liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày); kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Thị Mai

Nơi nhận**:**
- *Bị cáo;*
- *VKSND huyện Quan Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;*
- *Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;*
- *Cơ quan THAHS- CA huyện Quan Hóa;*
- *Nhà tạm giữ - công an huyện Quan Sơn;*
- *Lưu HSVA*